

Số: /KH-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH
Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND
các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, kỳ 2019 - 2023

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 170 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2015; Điều 164 Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL (sửa đổi, bổ sung tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020) về định kỳ hệ thống hóa văn bản QPPL 05 năm/lần, đồng thời triển khai nhiệm vụ hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND các cấp theo định kỳ bảo đảm tiến độ, chất lượng, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hệ thống hóa định kỳ văn bản QPPL của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk kỳ 2019 - 2023 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU HỆ THỐNG HÓA

1. Mục đích

a) Công bố Tập hệ thống hóa văn bản QPPL còn hiệu lực của HĐND, UBND các cấp tính đến hết ngày 31/12/2023 và các danh mục văn bản thể hiện kết quả hệ thống hóa kỳ 2019 - 2023 (Danh mục văn bản QPPL còn hiệu lực; Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ; Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần; Danh mục văn bản QPPL cần đình chỉ thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới).

b) Thông qua việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL, giúp công tác xây dựng, áp dụng, thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh được hiệu quả, thuận tiện, tăng cường tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật; cập nhật kịp thời thông tin của văn bản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật.

c) Xác định cụ thể nội dung các công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành, trách nhiệm của các cơ quan/đơn vị trong việc tổ chức thực hiện hệ thống hóa văn bản QPPL.

d) Xác định cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan/đơn vị trong việc tổ chức thực hiện hệ thống hóa văn bản QPPL.

2. Yêu cầu

a) Tập hợp đầy đủ văn bản thuộc đối tượng hệ thống hoá và kết quả rà soát văn bản kỳ 2019 - 2023;

b) Tuân thủ trình tự thực hiện hệ thống hóa theo quy định tại Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP);

c) Kịp thời công bố Tập hệ thống hóa văn bản QPPL còn hiệu lực và các danh mục văn bản thể hiện kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2019 - 2023.

d) Nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL theo quy định;

e) Việc hệ thống hóa phải được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, đúng tiến độ, đồng bộ; bảo đảm bố trí các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện hệ thống hóa văn bản QPPL.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI HỆ THỐNG HÓA

1. Đối tượng hệ thống hóa

Đối tượng hệ thống hoá văn bản là các văn bản QPPL do HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh ban hành còn hiệu lực và văn bản QPPL đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực tính đến hết ngày 31/12/2023, cụ thể:

a) Các văn bản QPPL của HĐND, UBND trong Tập hệ thống hoá của kỳ hệ thống hoá kỳ 2014 - 2018 (gồm: nghị quyết, quyết định QPPL còn hiệu lực qua hệ thống hóa kỳ 2014 - 2018) và nghị quyết, quyết định QPPL ban hành từ năm 2019 đến hết năm 2023 (ban hành trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023 (gồm cả văn bản được ban hành cuối năm 2023 nhưng chưa có hiệu lực)).

b) Chỉ thị QPPL của UBND các cấp còn hiệu lực qua hệ thống hóa kỳ 2014-2018⁽¹⁾.

2. Phạm vi văn bản hệ thống hóa

Tất cả văn bản QPPL của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh được ban hành đến hết ngày 31/12/2023 thuộc trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa của các cơ quan theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

⁽¹⁾ Theo Điều 4, khoản 2 Điều 172 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, từ ngày 01/7/2016, văn bản QPPL của UBND các cấp không còn hình thức chỉ thị; các chỉ thị QPPL đã ban hành trước đây, đến 01/7/2016 vẫn còn hiệu lực thì tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có văn bản bãi bỏ hoặc bị thay thế bằng văn bản QPPL khác.

III. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh

1.1. Tập hợp văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa

a) Yêu cầu công việc: tập hợp văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh thuộc đối tượng hệ thống hóa bao gồm:

- Các văn bản trong Tập hệ thống hóa của kỳ hệ thống hóa 2014 - 2018 thuộc trách nhiệm hệ thống hóa của các cơ quan, đơn vị.

- Các văn bản được ban hành trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023, cụ thể là các văn bản được ban hành từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2023 thuộc trách nhiệm hệ thống hóa của cơ quan, đơn vị (gồm cả văn bản được ban hành trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023 nhưng chưa có hiệu lực).

Mỗi cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tập hợp văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao của đơn vị mình (văn bản do đơn vị đã chủ trì soạn thảo và văn bản do đơn vị khác chủ trì soạn thảo nhưng có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước được giao của đơn vị).

b) Cơ quan chủ trì: Các Sở, ban, ngành của tỉnh.

c) Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp.

d) Thời gian, tiến độ thực hiện: trong quý I/2023.

1.2. Tập hợp kết quả rà soát văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa đã được thực hiện trước đó và tiến hành rà soát bổ sung

a) Yêu cầu

- Tập hợp và kiểm tra lại kết quả rà soát văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa đã được thực hiện trước đó trong lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị, bao gồm: kết quả rà soát thường xuyên²; rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực.

- Tiến hành rà soát bổ sung theo quy định tại Chương IX Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) trong trường hợp kết quả rà soát tập hợp được phản ánh không cập nhật tình trạng pháp lý văn bản hoặc phát hiện văn bản chưa được rà soát. Việc rà soát được thực hiện trên cơ sở đối chiếu, so sánh hình thức, nội dung văn bản với quy định pháp luật hiện hành có liên quan và điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay trên địa bàn tỉnh, trong đó xác định rõ:

+ Văn bản hết hiệu lực toàn bộ, thời điểm, lý do hết hiệu lực.

² Rà soát thường xuyên gồm: (1) rà soát theo căn cứ là văn bản; (2) rà soát theo căn cứ là tình hình phát triển kinh tế - xã hội (Điều 147 và Điều 148 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP)

+ Văn bản hết hiệu lực một phần, phần hết hiệu lực, thời điểm, lý do hết hiệu lực.

+ Văn bản còn hiệu lực. Trong những văn bản còn hiệu lực này, văn bản nào cần phải đình chỉ thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế và nêu rõ lý do đề xuất.

Kết quả thực hiện được lập thành báo cáo kết quả hệ thống hóa và các Danh mục văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) và gửi về Sở Tư pháp.

Các Danh mục lập theo Biểu mẫu số 03; 04; 05; 06 Phụ lục IV Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

b) Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành ở tỉnh.

c) Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp hướng dẫn các sở, ban, ngành thực hiện việc rà soát khi có yêu cầu.

d) Thời gian, tiến độ thực hiện: Chậm nhất là ngày 30/9/2023.

1.3. Kiểm tra lại, bổ sung kết quả rà soát, hệ thống hóa

a) Yêu cầu

- Kiểm tra lại kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của tất cả cơ quan, đơn vị.

- Cập nhật, rà soát bổ sung đối với những văn bản QPPL chưa được các cơ quan, đơn vị cập nhật, rà soát.

b) Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp

c) Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành ở tỉnh.

d) Thời gian, tiến độ thực hiện: Hoàn thành trước ngày 30/11/2023.

1.4. Tổng hợp, lập các Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh và sắp xếp các văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thành tập hệ thống hóa

a) Nội dung

- Tổng hợp, lập các danh mục văn bản QPPL gồm: Danh mục văn bản còn hiệu lực (bao gồm cả văn bản hết hiệu lực một phần); Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ; Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần; Danh mục văn bản cần đình chỉ thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới.

- Căn cứ Danh mục văn bản còn hiệu lực, sắp xếp thành Tập hệ thống hóa văn bản QPPL còn hiệu lực của HĐND, UBND tỉnh kỳ 2019 - 2023.

b) *Cơ quan chủ trì*: Sở Tư pháp.

c) *Cơ quan phối hợp*: Các sở, ban, ngành ở tỉnh.

d) *Thời gian, tiến độ thực hiện*: Trong tháng 12/2023.

1.5. Tổ chức lấy ý kiến thống nhất kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và xây dựng Báo cáo kết quả hệ thống hóa

a) *Yêu cầu*

- Tổ chức họp lấy ý kiến thống nhất của các cơ quan, đơn vị về kết quả hệ thống hóa kỳ 2019 - 2023 để trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố theo quy định.

- Xây dựng Báo cáo chi tiết kết quả thực hiện hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh, nêu rõ quá trình tổ chức thực hiện; kết quả hệ thống hóa; khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị...

b) *Cơ quan chủ trì*: Sở Tư pháp

c) *Cơ quan phối hợp*: Các Sở, ban, ngành của tỉnh.

d) *Thời gian, tiến độ thực hiện*: Trong tháng 01/2024.

1.6. Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Chủ tịch UBND tỉnh công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh kỳ 2019 - 2023 trước ngày 01/3/2024 theo quy định tại điểm d Khoản 6 Điều 167 Nghị định 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

1.7. Đăng tải kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

a) *Yêu cầu*: Đăng tải kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh kỳ 2019 - 2023 trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk. Đăng tải Danh mục văn bản của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực trên Công báo tỉnh.

b) *Cơ quan chủ trì*: Văn phòng UBND tỉnh.

c) *Cơ quan phối hợp*: Sở Tư pháp

d) *Thời gian, tiến độ thực hiện*: Chậm nhất là ngày 03/3/2024.

2. Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã

2.1. UBND cấp huyện có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Phòng Tư pháp chủ trì, tham mưu UBND cùng cấp xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện.

b) Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc UBND cấp xã trên địa bàn thực hiện việc hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp xã.

2.2. Sở Tư pháp có trách nhiệm: Hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện việc hệ thống hóa khi có đề nghị; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện của cấp huyện, cấp xã.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện hệ thống hóa văn bản được bố trí từ ngân sách Nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hàng năm hoặc các nguồn khác theo quy định pháp luật.

2. Kinh phí hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2021 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết số 51/2012/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh và các văn bản liên quan.

Trong quá trình thực hiện hệ thống hóa, nếu có quy định mới thay thế thì thực hiện theo quy định hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị của tỉnh có trách nhiệm

a) Xây dựng, ban hành Kế hoạch hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh kỳ 2019 - 2023 trong lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị; gửi về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) **trước ngày 31/01/2023**.

b) Thành lập bộ phận rà soát gồm đại diện lãnh đạo cơ quan, đơn vị phụ trách chung, tổ chức pháp chế của đơn vị làm đầu mối tổ chức thực hiện và các phòng, ban chuyên môn tham gia phối hợp; báo cáo đầu mối tổ chức thực hiện (họ và tên, chức vụ, số điện thoại) về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) **trước ngày 31/01/2023**.

c) Thực hiện việc tập hợp, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao theo quy định tại khoản 1 Mục III Kế hoạch này, gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp.

2. UBND cấp huyện có trách nhiệm

a) Xây dựng Kế hoạch hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện; chỉ đạo UBND cấp xã xây dựng Kế hoạch hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp xã.

Tổng hợp tình hình xây dựng Kế hoạch hệ thống hóa trên địa bàn theo **mẫu tại Phụ lục 01** Kế hoạch này, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) **trước ngày 28/02/2023**.

b) Triển khai thực hiện việc hệ thống hóa trên địa bàn và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp), gồm:

- Gửi Quyết định công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện về Sở Tư pháp **trong thời hạn 20 ngày**, kể từ ngày công bố.

- Báo cáo kết quả hệ thống hóa của cấp huyện, các đơn vị cấp xã trên địa bàn về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp), gồm báo cáo và số liệu thống kê **theo mẫu tại Phụ lục 02** kèm theo trong tháng 3/2024.

3. Sở Tư pháp có trách nhiệm

a) Chủ trì giúp UBND tỉnh làm đầu mối tổ chức thực hiện việc hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh.

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành ở tỉnh; UBND cấp huyện thực hiện việc hệ thống hóa và thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Mục III, Mục IV Kế hoạch này.

c) Kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản của các cơ quan, đơn vị, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công bố.

Nhận được Kế hoạch này, các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, tx, tp;
- HĐND, UBND các xã, phường thị trấn (giao UBND cấp huyện gửi);
- Lưu: VT, NC (S_15b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh